

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thí và bà Trần Thị Ngọc Yến
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21/01/2019 về việc ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1885/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt
2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh T, sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn M, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang sinh sống làm việc tại: No 11, J Rd Nantun Dist, Taichung city 40852, Taiwan (Đài Loan - Trung Quốc), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về quan hôn nhân: chị và anh Lê Anh T có quá trình tìm hiểu tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh

Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2012, do điều kiện kinh tế gia đình nên vợ chồng bàn bạc để anh T xuất khẩu lao động để cải thiện cuộc sống. Thời gian đầu khi sang Đài Loan làm ăn, anh Tuấn có liên lạc về cho mẹ con chị, nhưng sau đó thì mất liên lạc, chị cố gắng thì anh Tuấn lẩn tránh, không muốn gặp. Sau đó chị làm thủ tục sang Đài Loan lao động hy vọng vợ chồng gặp nhau khắc phục tình cảm nhưng không có kết quả, chị về nước, còn anh T vẫn ở lại và vợ chồng không liên lạc gì với nhau nữa. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Ph trình bày vợ chồng có 01 con chung, Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2011, đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị Ph có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị đủ điều kiện để đảm bảo về mọi mặt cho con, thu nhập của chị mỗi tháng 05 triệu đồng. Cháu Lê Quỳnh A có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung: Chị Ph trình bày không có.

Đối với anh Lê Anh T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật theo địa chỉ chị Ph cung cấp; ngày 17 tháng 6 năm 2019 và ngày 24 tháng 6 năm 2019 anh T có đơn trình bày gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình: anh T và chị Ph kết hôn với nhau vào ngày 13/9/2010 và có một con chung tên là Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2011. Năm 2012 do gia đình khó khăn nên anh đã sang Đài Loan lao động, sau một thời gian vợ chồng xa cách, vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau nữa, dù đã nhiều lần níu kéo nhưng không thành, nay chị Ph làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Tuy nhiên vì điều kiện ở xa, anh không thể về để giải quyết việc ly hôn được, nên anh đề nghị Tòa án xử lý việc ly hôn vắng mặt anh; anh cũng nhất trí giao con chung cho chị Ph nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn và gia đình

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử: cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Lê Anh T

Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2011, cho chị Nguyễn Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

Chị Nguyễn Thị Phúc khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Lê Anh T, nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn M, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú làm ăn tại Đài Loan - Trung Quốc. Đây là vụ án có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn qua địa chỉ của anh T ở Đài Loan (bao gồm Đơn khởi kiện xin ly hôn, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo cung cấp các tài liệu...). Tòa án thực hiện việc niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và tại xã L, Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch (mẹ đẻ anh T) để thông báo cho anh T có mặt tại Tòa án theo quy định, Tòa án cũng đã triệu tập bà Ch và yêu cầu bà Ch cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nhưng bà Ch không đến Tòa án và cũng không cung cấp địa chỉ của anh T.

Tại phiên tòa lần thứ hai anh T vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ để xét xử theo thủ tục chung. Trước đó anh Lê Anh T có đơn trình bày gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề ngày 17/6/2019 và ngày 24/6/2019 không có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Đài Loan nhưng qua kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình thì chữ viết trong hai đơn trình bày do anh Lê Anh T viết gửi về và chữ viết tên Lê Anh T tại hai giấy chứng nhận kết hôn gốc đều do một người viết ra, như vậy khẳng định rằng những nội dung trong đơn trình bày ngày 17/6/2019 và ngày 24/6/2019 do anh Lê Anh T viết là đúng và phù hợp nên chấp nhận để xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ph và anh Lê Anh T có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2012, anh chị bàn bạc để anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan - Trung Quốc, thời gian đầu anh chị thường xuyên liên lạc quan tâm nhau, về sau thì hai bên không còn liên gì với nhau nữa, chị Ph cũng đã sang Đài Loan gặp anh T để mong sao vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng

không có kết quả. Do đó chị Ph thấy tình cảm vợ chồng sống không còn nữa, thời gian sống ly thân đã lâu, chị đề nghị xin được ly hôn; anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng của chị Ph và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn quan tâm đến hàn gắn hạnh phúc gia đình. Căn cứ 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Lê Anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị Phúc có 01 con chung, Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2011, Hội đồng xét xử xét thấy anh chị thỏa thuận giao cháu Lê Quỳnh A cho chị Phúc nuôi dưỡng và cháu Lê Quỳnh A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản: chị Ph và anh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí ly hôn*: chị Ph chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147; Điều 464, 469, khoản 3 Điều 474; điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Lê Anh T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2011 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Ph phải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2017/0005134 ngày 09/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lê Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Quảng Bình;
- Cục THADS Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Bà Nguyễn Thị Ch (mẹ anh T);
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn